TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1355/2026/QĐST-VHNGĐ	*Đồng Nai, ngày 18 tháng 08 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1826/2026/TL-VHNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2026 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau đây:

1. Bà **Trần Thị Bé H,** sinh ngày **/**/1998.

Số căn cước công dân: **********, cấp ngày **/**/2022

2. Ông **Lê Văn T**, sinh ngày **/**/1995.

Số căn cước công dân: **********, cấp ngày **/**/2021

Cùng địa chỉ: D, tổ A, khu phố A(nay là khu phố A), phường LB, Thành phố Đồng Nai (địa chỉ cũ: D, tổ A, khu phố A, phường LB, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tuy nhiên hòa giải đoàn tụ không thành và các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian quen biết và tìm hiểu ông bà phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân. Vào năm 2017, ông bà đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TK, tỉnh Nghệ An (nay là xã TP, tỉnh Nghệ An) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số **/2017 ngày 11/01/2017.

Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có sự cưỡng ép. Trong quá trình chung sống, lúc đầu ông bà vẫn bình thường thời gian về sau do tính cách không hoà hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Nay ông bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy ông bà quyết định thuận tình ly hôn, kính mong Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai xem xét và chấp thuận cho bà Trần Thị Bé H và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông bà có 03 (*ba*) con chung tên là: Lê Văn N, sinh ngày **/**/2017; Lê Anh Ph, sinh ngày **/**/2020 và Lê Đăng K, sinh ngày **/**/2025. Ly hôn, bà Trần Thị Bé H và ông Lê Văn T thỏa thuận giao 02 (*hai*) con Lê Văn N và Lê Anh Ph cho ông Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Giao con Lê Đăng Kh cho bà Trần Thị Bé H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bé H và ông Lê Văn T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Bà Trần Thị Bé H và ông Lê Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn T và bà Trần Thị Bé H mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà Trần Thị Bé H và ông Lê Văn T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0002056 ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé H và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: 03 con chung tên: Lê Văn N, sinh ngày **/**/2017; Lê Anh Phương, sinh ngày **/**/2020; Lê Đăng K, sinh ngày **/**/2025. Giao 02 (*hai*) con Lê Văn N và Lê Anh Ph cho ông Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Giao con Lê Đăng Kh cho bà Trần Thị Bé H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Bé H và ông Lê Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bé H và ông Lê Văn T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Bé H và ông Lê Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn T và bà Trần Thị Bé H mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà Trần Thị Bé H và ông Lê Văn T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0002056 ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai. Ông Lê Văn T và bà Trần Thị Bé H đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai;
- Thi hành án;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc